

Số:339 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 11/3/2022 đến 16h00 ngày 12/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 455,6 triệu ca, trong đó trên 6 triệu ca tử vong.

Tại Mỹ, trong thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 2/2022, trẻ từ 5-15 tuổi hàng tuần phải xét nghiệm với SARS-CoV-2 dù có triệu chứng hay không. Kết quả cho thấy khoảng 50% trẻ có kết quả dương tính với SARS-CoV-2 là trẻ chưa tiêm vaccine và không có triệu chứng. Việc tiêm 2 mũi vaccine ngừa COVID-19 làm giảm nguy cơ nhiễm Omicron của 31% trẻ từ 5 đến 11 tuổi và 59% ở thanh thiếu niên từ 12-15 tuổi.

Hàn Quốc đang đối phó với làn sóng lây nhiễm biến thể Omicron khi số ca mắc mới theo ngày vượt 380.000 ca. Giới chức y tế Hàn Quốc dự đoán nước này sẽ đạt đỉnh dịch trong tuần tới. Chính phủ cũng đang có kế hoạch sửa đổi hệ thống điều trị hiện tại cho bệnh nhân COVID-19 để tận dụng tốt hơn các nguồn y tế khan hiếm. Bắt đầu từ tuần tới, những bệnh nhân mắc COVID-19 nhập viện với các triệu chứng nhẹ sẽ có thể được điều trị tại các bệnh viện đa khoa. Kết quả từ các xét nghiệm kháng nguyên nhanh do các tổ chức y tế thực hiện cũng sẽ được chấp nhận trong việc chính thức xác nhận ca mắc COVID-19.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 12/3/2022, cả nước ghi nhận 5.903.147 ca mắc, trong đó 5.897.125 ca trong nước. Đến nay đã có 3.068.033 người khỏi bệnh, 41.228 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 5.900.295 ca, trong đó có 5.895.555 ca trong nước, 3.065.216 người đã khỏi bệnh (52%), 41.193 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 168.719 ca mắc mới, trong đó 168.704 ca ghi nhận trong nước (giảm 386 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (30.693), Nghệ An (11.666), Phú Thọ (7.216), Bắc Ninh (5.669), Sơn La (4.872), Hưng Yên (4.492), Lạng Sơn (4.479), Hải Dương (4.460), Tuyên Quang (4.287), Hòa Bình (4.279), Lào Cai (3.539), Nam Định (3.432), Hải Phòng (3.200), Cà Mau (3.200), Gia Lai (3.107), Quảng Ninh (2.988), Quảng Bình (2.921), Quảng Trị (2.827), Vĩnh Phúc (2.823), Hồ Chí Minh (2.804), Bắc Giang (2.794), Thái Bình (2.747), Điện Biên (2.728), Thái Nguyên (2.716), Bình Dương (2.696), Bình Định (2.687), Bình Phước (2.683), Lai Châu (2.599), Ninh Bình (2.507), Cao Bằng (2.442), Hà Nam (2.327), Yên Bái (2.186), Bến Tre (1.981), Hà Giang (1.971), Lâm Đồng (1.735), Khánh Hòa (1.560), Phú Yên (1.555), Đà Nẵng (1.517), Bắc Kạn (1.493), Đắk Nông (1.427), Tây Ninh (1.401),

Thanh Hóa (1.338), Vĩnh Long (1.335), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.211), Trà Vinh (1.177), Hà Tĩnh (873), Kon Tum (770), Quảng Ngãi (693), Bình Thuận (646), Quảng Nam (328), Bạc Liêu (293), Đồng Nai (269), Thừa Thiên Huế (242), Long An (202), Cần Thơ (197), Kiên Giang (124), An Giang (94), Đồng Tháp (72), Sóc Trăng (46), Hậu Giang (41), Tiền Giang (27), Ninh Thuận (19), Đắk Lắk (1).

+ Có 15 ca nhập cảnh ghi nhận tại An Giang (5), Bà Rịa - Vũng Tàu (3), Kiên Giang (3), Hà Nội (1), Tây Ninh (1), Hồ Chí Minh (1), Bến Tre (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 195.000 ca mắc tại Hà Nội, 35.949 ca mắc tại Nam Định, 33.760 ca mắc tại Hưng Yên và 20.784 ca mắc tại Phú Thọ sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Đắk Lắk (giảm 3.217), Bình Dương (giảm 2.878), Hà Nội (giảm 1.206).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Gia Lai (tăng 3.107), Hà Giang (tăng 1.971), Phú Thọ (tăng 864).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 116.648 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 69,1% tổng số mắc trong ngày), tăng 3.711 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 16.477 ca cộng đồng (tăng 5.363 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 779.115 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 2.804 ca cộng đồng (giảm 236 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 566.515 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 5.241 ca thông qua sàng lọc (giảm 25 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 217.725 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 4.406 ca cộng đồng (tăng 133 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 169.548 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 33.175 ca, Bình Dương tăng 15.558 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Quảng Ninh (giảm 11.378 ca), Khánh Hòa (giảm 760 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 3.065.216 người đã khỏi bệnh (52%), tăng 84.811 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 2.793.886 trường hợp, trong đó có 3.934 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.123 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 396; (3) Thở máy không xâm lấn: 110; (4) Thở máy xâm lấn: 302; (5) EMO: 3.

- Trong ngày 11/3, ghi nhận 71 trường hợp tử vong (tương đương so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (1) ca từ Cần Thơ chuyển đến.

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (11), Phú Yên (4), Bắc Giang (3), Bình Định (3), Đồng Nai (3), Gia Lai (3), Hà Nam (3), Hải Dương (3), Quảng Bình (3), Quảng Ninh (3), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Bắc Ninh (2), Điện Biên (2), Hà Giang (2), Hải Phòng (2), Hòa Bình (2), Kiên Giang (2), Lào Cai (2), Nam Định (2), Ninh Bình (2), Thái Nguyên (2), Bến Tre (1), Bình Dương (1), Bình Phước (1), Đồng Tháp (1), Hà Tĩnh (1), Lạng Sơn (1), Thái Bình (1), Thanh Hóa (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 12/3/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 1195/BYT-DP về việc tăng cường tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, trong đó đẩy mạnh và thần tốc hơn nữa việc triển khai tiêm chủng mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, đảm bảo đến hết Quý I/2022 phải bao phủ mũi 3 cho những người đã đến lịch tiêm chủng.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 11/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 41.091.239 mẫu cho 84.987.455 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 35.358.075 mẫu tương đương 81.239.516 lượt người, tăng 218.513 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.923.410 mẫu gộp cho 48.920.690 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 12/3/2022 là 221,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	63.957.876
2	Pfizer	50.999.130	33.753.120	29.161.080	4.592.040	0	84.752.250
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	115.481.318	56.831.620	31.786.300	26.863.398	221.807.484
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						204.004.076
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						17.303.408

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 221,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 17,3 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 11/3/2022

Cả nước đã tiêm 199.963.718 liều (trong ngày tiêm được 330.734 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,0% số vắc xin phân bổ 131 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	98,9%	41,3%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,0%	94,0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 182.912.927 liều:

+ Mũi 1: 70.909.880 liều

+ Mũi 2: 69.290.074 liều ; Mũi bổ sung: 14.437.599 liều.

+ Mũi 3: 28.275.374 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.050.791 liều:

+ Mũi 1: 8.746.841 liều

+ Mũi 2: 8.303.950 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Số mắc mới có xu hướng gia tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong tháng qua, số trường hợp tử vong trên dưới 100 ca mỗi ngày, hiện vẫn trong khả năng đáp ứng của hệ thống y tế. Trong thời gian tới, khi mở cửa trở lại hoạt động giáo dục đào tạo trực tiếp, nhất là thời gian tới Việt Nam nới lỏng cách ly y tế, giảm các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách trên tất cả các phương tiện, lượng khách quốc tế đi, đến Việt Nam sẽ gia tăng mạnh sẽ không tránh khỏi gia tăng nguy cơ lây nhiễm, nguy cơ tiếp tục gia tăng áp lực lên hệ thống y tế.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Bộ Y tế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai hoạt động phòng, chống dịch COVID-19:

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thường xuyên đánh giá tình hình dịch bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương án đáp ứng dịch khi đưa học sinh quay lại trường học và mở cửa du lịch.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương trong việc tăng cường công tác quản lý chất thải đối với các trường hợp mắc COVID-19 quản lý tại nhà để đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19.

- Phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các địa phương để tăng cường quản lý việc mua, bán, sử dụng thuốc điều trị COVID-19, quản lý giá, phòng tránh tiêu cực, tham nhũng; thúc đẩy công khai, minh bạch trong quản lý; phòng chống thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc; có biện pháp đẩy mạnh việc sử dụng các sản phẩm thuốc đông y, y dược cổ truyền và test kit xét nghiệm.

2. Bộ Y tế và các địa phương:

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới).

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vì rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

- Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết... tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà.

3. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 11/3	Số mắc ngày 12/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 12/3	Số tử vong tích lũy đến 11/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		169.090	168.704	- 386	5.895.353	41.193
1	Hồ Chí Minh	3.040	2804	-236	566.515	20.436
2	Hà Nội	31.899	30.693	-1.206	779.115	1.121
3	Bình Dương	5.574	2696	-2.878	336.200	3.410
4	Bắc Ninh	6.346	5.669	-677	217.725	123
5	Nghệ An	11.057	11.666	609	205.929	118
6	Quảng Ninh	2.919	2988	69	167.255	56
7	Bắc Giang	2.997	2794	-203	150.687	61
8	Phú Thọ	6.352	7216	864	169.548	51
9	Hải Dương	4.035	4.460	425	121.256	90
10	Vĩnh Phúc	2.862	2823	-39	156.685	19
11	Nam Định	3.494	3432	-62	151.785	115
12	Hòa Bình	4.281	4279	-2	117.443	93
13	Đông Nai	205	269	64	103.684	1.764
14	Thái Nguyên	2.724	2716	-8	110.182	82
15	Tây Ninh	1331	1401	70	101.001	847
16	Khánh Hòa	1.693	1560	-133	98.615	319
17	Hải Phòng	3.297	3.200	-97	98.581	131
18	Cà Mau	3.859	3200	-659	91.884	305
19	Thái Bình	2.719	2747	28	86.491	17
20	Hưng Yên	4.324	4492	168	124.938	5
21	Bình Phước	2.425	2683	258	82.483	205
22	Đà Nẵng	1.683	1517	-166	77.147	299
23	Bình Định	2.826	2687	-139	81.706	243
24	Sơn La	4.728	4872	144	76.660	
25	Hà Giang		1971	1.971	63.190	65
26	Vĩnh Long	1098	1335	237	61.796	779
27	Đắk Lắk	3.218	1	-3.217	64.272	126
28	Lạng Sơn	4.291	4479	188	68.959	50
29	Ninh Bình	2.569	2507	-62	62.647	72
30	Thanh Hóa	1.292	1338	46	86.464	89
31	Bến Tre	2.090	1981	-109	56.520	406
32	Lào Cai	3.309	3539	230	60.646	27
33	Tuyên Quang	3.838	4287	449	60.898	9
34	Đồng Tháp	54	72	18	48.572	976
35	BRVT	1096	1211	115	51.242	469
36	Cần Thơ	174	197	23	46.903	915
37	Long An	170	202	32	44.220	990
38	Yên Bái	2.042	2186	144	49.617	9
39	Quảng Bình	2.708	2921	213	50.859	56
40	Trà Vinh	969	1177	208	44.769	256
41	Bạc Liêu	395	293	-102	40.489	399
42	Lâm Đồng	1.511	1735	224	42.411	103
43	Bình Thuận	810	646	-164	39.001	438
44	Quảng Nam	322	328	6	37.372	97
45	An Giang	92	94	2	36.601	1.334
46	Tiền Giang	11	27	16	35.700	1.220

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 11/3	Số mắc ngày 12/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 12/3	Số tử vong tích lũy đến 11/3
47	Kiên Giang	106	124	18	35.808	922
48	Sóc Trăng	54	46	-8	33.012	590
49	Hà Nam	2.337	2327	-10	39.296	45
50	Cao Bằng	2.386	2442	56	37.538	25
51	T.T.Huế	311	242	-69	31.297	171
52	Điện Biên	2.709	2728	19	37.659	9
53	Gia Lai		3107	3.107	31.646	66
54	Phú Yên	1586	1555	-31	30.320	104
55	Quảng Trị	3.462	2827	-635	36.119	23
56	Quảng Ngãi	690	693	3	25.651	109
57	Đắc Nông	1.676	1427	-249	27.796	41
58	Hà Tĩnh	896	873	-23	24.321	22
59	Lai Châu	2.419	2599	180	28.381	
60	Hậu Giang	33	41	8	16.585	207
61	Bắc Kạn	1.275	1493	218	15.049	7
62	Kon Tum	380	770	390	10.670	
63	Ninh Thuận	41	19	-22	7.542	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	169.090	168.704	-386	5.895.555	41.193

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 11/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.226.467	5.989.227	0	233.799	3.888.169	697.909	673.807	17.709.378	99,8%
2	Hải Phòng	4.413.392	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,5%
3	Thái Bình	3.150.960	1.154.109	1.192.406	96.938	261.058	342.411	150.029	146.159	3.343.110	106,1%
4	Nam Định	3.200.140	1.144.304	1.126.020	0	58.539	490.710	158.398	156.097	3.134.068	97,9%
5	Hà Nam	1.823.260	582.391	572.822	0	273.641	242.647	71.438	69.238	1.812.177	99,4%
6	Ninh Bình	1.747.960	675.426	668.271	0	235.215	291.584	82.166	78.443	2.031.105	116,2%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	406.824	445.737	283.435	281.516	6.058.145	78,3%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.020.151	149.767	149.254	4.072.719	110,0%
9	Bắc Ninh	3.052.490	1.135.611	1.091.640	0	360.409	400.753	115.527	108.163	3.212.103	105,2%
10	Phú Thọ	2.463.940	1.002.461	999.704	0	286.302	395.025	124.912	123.397	2.931.801	119,0%
11	Vĩnh Phúc	2.292.030	790.372	770.851	0	242.233	348.383	114.275	112.331	2.378.445	103,8%
12	Hải Dương	3.284.650	1.331.950	1.278.761	5.429	95.166	655.862	157.247	153.881	3.678.296	112,0%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	304.230	321.810	110.591	110.075	2.468.335	100,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.084	888.549	12.792	201.005	205.612	108.213	106.691	2.442.946	101,5%
15	Bắc Cạn	580.140	217.915	216.898	0	11.834	65.815	25.221	23.665	561.348	96,8%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.646.630	550.050	517.541	0	232.023	139.565	75.444	71.462	1.586.085	96,3%
18	Nghệ An	5.498.900	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	782.870	255.975	245.527	0	107.055	90.564	53.501	47.992	800.614	102,3%
21	Lạng Sơn	1.741.530	508.315	496.201	0	0	416.255	66.528	62.859	1.550.158	89,0%
22	Tuyên Quang	1.425.200	492.415	487.995	0	40.926	240.764	70.237	67.026	1.399.363	98,2%
23	Hà Giang	1.732.720	484.714	466.197	442	130.181	188.427	88.264	81.108	1.439.333	83,1%
24	Cao Bằng	995.520	350.486	331.971	0	72.834	117.682	45.548	41.433	959.954	96,4%
25	Yên Bái	1.637.480	516.009	505.095	0	262.866	204.301	78.940	75.560	1.642.771	100,3%
26	Lào Cai	1.514.820	464.729	451.063	0	252.712	112.379	80.505	74.348	1.435.736	94,8%
27	Sơn La	1.828.320	737.212	695.580	2.334	0	203.062	140.915	131.383	1.910.486	104,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
28	Điện Biên	1.145.460	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.834	1.044.733	91,2%
Cộng miền Bắc		85.560.102	29.724.999	28.863.375	907.218	5.793.047	12.830.490	3.809.451	3.669.243	85.597.823	100,0%
29	Quảng Bình	1.520.330	536.494	519.726	0	155.641	128.784	79.703	68.600	1.488.948	97,9%
30	Quảng Trị	1.306.372	432.285	415.779	10.581	62.427	190.052	64.787	60.158	1.236.069	94,6%
31	TT- Huế	2.428.386	786.696	764.799	0	267.001	264.455	102.409	98.227	2.283.587	94,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	867.080	859.668	0	83.621	710.480	100.756	98.849	2.720.454	109,0%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.490	1.034.211	31.972	382.897	255.834	132.605	130.337	3.012.346	94,4%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	804.473	0	110.338	340.484	113.371	112.494	2.333.771	84,7%
35	Bình Định	2.964.670	1.048.928	1.014.435	53.656	345.686	266.319	140.863	137.763	3.007.650	101,4%
36	Phú Yên	1.732.454	625.920	597.664	502	77.575	248.909	85.522	80.618	1.716.710	99,1%
37	Khánh Hòa	2.755.850	976.959	951.437	0	404.009	398.641	122.332	116.365	2.969.743	107,8%
38	Ninh Thuận	1.233.610	431.458	402.584	0	139.174	150.211	61.304	56.445	1.241.176	100,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
39	Bình Thuận	2.720.780	914.469	885.078	7.207	264.141	140.481	131.479	125.382	2.468.237	90,7%
Cộng miền Trung		25.103.308	8.517.390	8.249.854	103.918	2.292.510	3.094.650	1.135.131	1.085.238	24.478.691	97,5%
40	Kon Tum	1.020.100	320.764	320.322	10.696	92.724	91.712	58.967	55.533	950.718	93,2%
41	Gia Lai	2.734.912	996.091	916.226	77.472	216.022	129.927	167.610	145.125	2.648.473	96,8%
42	Đắc Lắc	3.400.550	1.258.717	1.199.215	0	499.823	199.032	178.061	164.158	3.499.006	102,9%
43	Đắk Nông	1.287.080	403.122	398.919	0	204.606	121.913	68.070	65.742	1.262.372	98,1%
Cộng Tây Nguyên		8.442.642	2.978.694	2.834.682	88.168	1.013.175	542.584	472.708	430.558	8.360.569	99,0%
44	TP. HCM	20.309.820	7.392.839	6.670.644	0	677.283	4.147.188	727.777	682.967	20.298.698	99,9%
45	BR-VT	2.756.640	970.883	908.501	0	3.489	614.263	110.526	109.272	2.716.934	98,6%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.720.658	2.352.299	0	166.924	507.935	284.577	274.288	6.306.681	94,6%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.324.910	1.275.845	130.098	105.100	677.132	156.755	157.849	3.827.689	102,7%
48	Long An	4.333.358	1.500.597	1.462.233	0	21.438	1.105.115	171.734	157.132	4.418.249	102,0%
49	Lâm Đồng	2.968.224	982.396	965.170	0	523.095	222.590	138.865	120.218	2.952.334	99,5%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.660	890.214	0	32.470	491.477	109.066	100.641	2.572.528	99,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
51	Cần Thơ	2.765.418	944.104	942.438	5.968	341.457	259.433	109.774	102.248	2.705.422	97,8%
52	Sóc Trăng	2.581.060	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,8%
53	An Giang	4.054.292	1.363.760	1.344.928	190.197	437.971	255.261	204.039	188.946	3.985.102	98,3%
54	Bến Tre	2.994.032	1.023.102	1.005.690	0	462.877	224.352	106.936	104.280	2.927.237	97,8%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	96,8%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.576	763.999	0	290.430	325.025	92.763	87.941	2.338.734	100,1%
57	Đồng Tháp	3.629.810	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	92,2%
58	Bình Dương	6.222.150	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	95,4%
59	Bình Phước	2.212.180	752.609	720.970	2	214.689	159.128	109.584	100.949	2.057.931	93,0%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	88,4%
61	Cà Mau	2.457.310	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	98,3%
62	Bạc Liêu	1.609.230	568.368	559.883	0	179.380	195.866	88.803	86.139	1.678.439	104,3%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.174	513.671	0	251.100	114.492	74.042	71.613	1.557.092	101,8%
Cộng miền		81.431.224	29.054.269	27.291.975	393.613	5.338.867	11.432.282	3.329.551	3.118.911	79.959.468	98,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
	Nam										

Ghi chú:

- 320.800 liều vắc xin AstraZeneca đợt 129; 1.223.630 liều vắc xin Moderna đợt 130 và 500.000 liều vắc xin Verocell đợt 131 có Quyết định phân bổ ngày 01/3/2022; 100.000 liều vắc xin Sputnik Light có Công văn phân bổ ngày 03/3/2022.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.950 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.430.908 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 336.905 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.442.480 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 11/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	71,3%	100,0%	99,7%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,7%	95,8%	27,5%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,7%	97,2%	42,3%	100,0%	107,7%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,1%	93,6%	39,6%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	101,5%	100,4%	43,8%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	20,2%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	79,7%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,0%	95,2%	34,9%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	98,9%	39,1%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,6%	44,1%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,1%	95,1%	48,8%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	39,0%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,2%	96,8%	22,4%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,0%	98,5%	29,9%	100,1%	93,9%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,5%	90,8%	24,5%	100,0%	96,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,9%	93,9%	34,6%	100,0%	91,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,0%	82,2%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	49,3%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,9%	95,1%	38,5%	98,1%	90,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,0%	31,9%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,0%	40,0%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	25,2%	100,0%	93,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	94,3%	27,5%	99,5%	92,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	100,0%	92,4%	23,2%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.771.990	100,0%	100,2%	44,5%	100,0%	97,3%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,0%	95,9%	23,8%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,3%	91,7%	41,9%	98,9%	91,8%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,1%	33,9%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	98,0%	97,1%	80,3%	98,6%	96,7%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,1%	95,2%	23,5%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,3%	39,9%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,0%	23,9%	96,1%	94,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,3%	92,0%	38,3%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,8%	41,8%	95,2%	90,6%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	95,9%	35,8%	99,4%	91,5%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,1%	15,6%	100,0%	97,2%
Cộng miền Trung		8.639.418	1.156.979	98,6%	95,5%	35,8%	98,1%	93,8%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,7%	94,6%	27,1%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,4%	13,7%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,4%	94,7%	15,7%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,5%	30,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	95,8%	18,3%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,7%	60,8%	87,5%	82,1%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,0%	64,2%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,5%	20,4%	100,0%	93,9%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,1%	52,1%	98,9%	99,6%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	76,1%	100,0%	93,7%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,3%	22,9%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,2%	51,5%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,4%	27,4%	97,4%	90,7%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	18,6%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,8%	21,6%	100,0%	99,8%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,3%	42,3%	100,0%	95,9%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,0%	21,0%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	34,2%	97,8%	94,8%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,8%	21,4%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	103,3%	97,0%	40,7%	100,0%	91,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 10/3/2022 đến 16h00 ngày 11/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.257 lượt người (nhập cảnh: 1.828, xuất cảnh: 2.429).
- + Tuyến VN-TQ: 579 lượt người (nhập cảnh: 234 xuất cảnh: 345).
- + Tuyến VN-Lào: 2.502 lượt người (nhập cảnh 1.155, xuất cảnh: 1.347).
- + Tuyến VN-CPC: 1.176 lượt người (nhập cảnh 439; xuất cảnh: 737).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 414 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 353 người (VN-TQ: 23; VN-Lào: 53, VN-CPC: 277).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 60 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 05, VN-CPC: 53).
 - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 10/3/2022 tới ngày 11/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 985 lượt người (nhập cảnh: 578 lượt người; xuất cảnh: 407 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 2.001 lượt người (nhập cảnh: 1.061 lượt người; xuất cảnh: 940 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 12/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 33 tin/bài tiếng Việt; 44 ảnh trong nước và quốc tế; 0 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện một số đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19, tiêm vaccine, giá xét nghiệm...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19; nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương như chuyển đổi số công tác quản lý F0 tại nhà; đề ra các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các cấp độ; nỗ lực vượt khó, bảo đảm dạy và học an toàn trong bối cảnh dịch COVID-19; triển khai linh hoạt các giải pháp, bảo đảm an toàn trường học; tiếp tục hỗ trợ người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 ; linh hoạt cách ly F1, F0 để đáp ứng nhu cầu nhân lực tại một số địa phương như Long An, Tp HCM, Vĩnh Phúc,...; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch; xử lý các vi phạm về phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới; nhiều nước nói lòng quy định phòng, chống dịch; kết quả một số nghiên cứu về dịch bệnh COVID-19, vaccine phòng COVID-10...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 10/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.440.000 cuộc gọi (ngày 10/3 đã tiếp nhận và xử lý gần 6 nghìn cuộc gọi).

28/2	01/3	02/3	03/3	04/3	05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3
6662	7586	7116	7128	6485	5629	5763	5954	5474	6212	5829

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 10/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 10/3/2022 đã tiếp nhận 46 cuộc).

Tiêu chí	28/2	01/3	02/3	03/3	04/3	05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3
Cuộc gọi đến	85	77	73	76	58	52	56	43	41	35	46

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 37.823.000, chiếm 39,43% dân số, 56,72% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.772.556 điểm đăng ký

+ 96.722 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 263.597.526

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 199.277.592

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 185.532.238
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,10%
- Tổng số thuê bao cài đặt Số sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.224.188
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn đề chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 20.920.453
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 8.153.711

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Tuyên truyền về việc phòng, chống dịch tại địa phương: quy định mức chi hỗ trợ cho lực lượng tuyến đầu chống dịch; xây dựng phần mềm cấp giấy chứng nhận nghỉ việc...
- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Liên quan đến thuốc điều trị COVID-19, báo chí cảnh báo, chia sẻ một số thông tin cho biết, theo quy định, người dân muốn mua được thuốc điều trị COVID-19 Molnupiravir cần có thủ tục nhất định. Vì vậy, nhiều người không thể mua được thuốc tại các nhà thuốc. Trong khi đó, trên mạng xã hội, thuốc được bán tràn lan, không cần bất cứ giấy tờ gì, và muốn mua bao nhiêu cũng có.

- Nhiều ý kiến phụ huynh đang băn khoăn nên hay không nên tiêm vắc-xin cho trẻ 5 - 11 tuổi. Theo Bộ Y tế và các chuyên gia ngành y tế, trẻ em cũng có thể diễn tiến nặng khi mắc COVID-19, có cả tình trạng hậu COVID-19 và những di chứng kéo theo khác. Vì vậy, việc tiêm vắc-xin không chỉ bảo vệ bản thân trẻ mà còn giúp giảm đi sự lây nhiễm trong cộng đồng.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội và một số địa phương:

- Hà Nội:

+ Lãnh đạo Thành phố yêu cầu các địa phương chú trọng giải quyết thủ tục cho F0 điều trị tại nhà, không để người dân rơi vào tình trạng khủng hoảng khi mắc COVID-19.

+ Bước đầu đã có những bằng chứng kết luận, chủng Omicron đã là chủng lưu hành chính tại Hà Nội. Trong thời gian tiếp theo, các chuyên gia y tế cho biết, số mắc sẽ tiếp tục tăng do khả năng lây nhiễm cao của biến chủng này.

+ Các cơ sở giáo dục đã chủ động, sáng tạo, linh hoạt vận dụng các hình thức dạy học trực tiếp kết hợp với trực tuyến nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ dạy học, bảo đảm an toàn cho học sinh và giáo viên.

+ Bảo hiểm xã hội và Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phần mềm tháo gỡ về mặt kỹ thuật cấp giấy chứng nhận nghỉ việc được hưởng bảo hiểm cấp cho người lao động khi bị nhiễm COVID-19. Phần mềm xử lý hoàn toàn tự động, rất nhanh chóng, thuận tiện và đang chờ chạy demo và thử nghiệm.

- Lai Châu: Yêu cầu các địa phương cần tính toán kịch bản phù hợp với từng thời điểm, dự phòng các cơ sở phụ để điều trị ca bệnh chuyển nặng khi dịch bệnh diễn biến phức tạp; tăng cường kiểm tra các hàng thuốc và kiểm soát giá thường xuyên, tranh gom hàng, đẩy giá tạo khan hàng và nhập đầy đủ các loại thuốc cần thiết để phục vụ nhu cầu cho người dân đặc biệt là kit test nhanh và thuốc điều trị.

- Tây Ninh: Xây dựng Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ cho lực lượng tham gia phòng, chống dịch trên địa bàn. Dự kiến sẽ có 3 nhóm đối tượng được thụ hưởng chính sách này, gồm: nhóm làm nhiệm vụ trực tiếp, nhóm làm gián tiếp và nhóm phân công tham gia làm nhiệm vụ trực tiếp trong phòng, chống dịch.